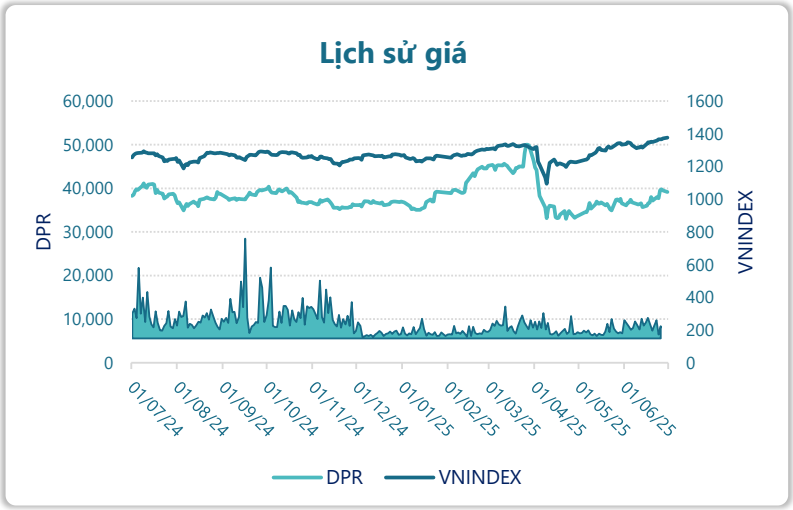
FireAnt

CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**41,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,985
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,990
SL cổ phiếu LH	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	954,260
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,575
P/E	13.1
EPS	3,133

DT thuần

Q2/25

202

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| -0.7%

YoY: ▼31.0| -13.5%

LN sau thuế

Q2/25

62.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.2| -18.7%

YoY: ▼17.5| -22.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

38.8%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

6T 2025

404

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.0| -3.6%

LN sau thuế

6T 2025

138

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.00| -2.5%

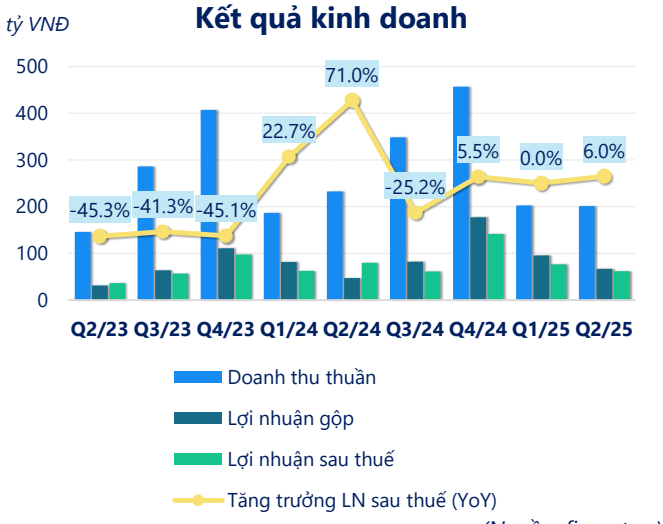
ROE

Q2/25

8.3%

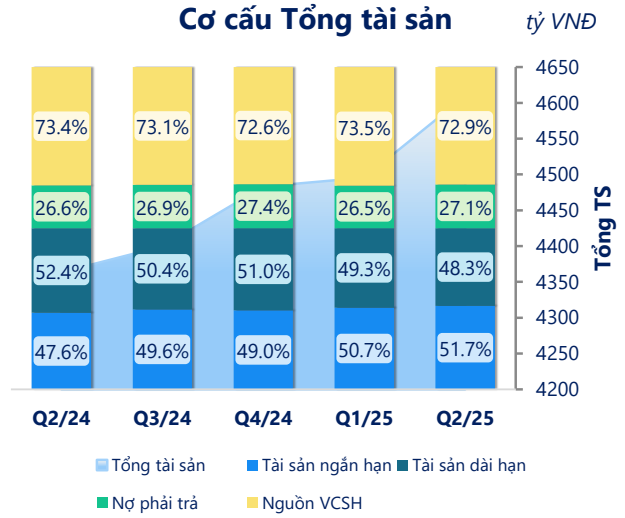
+/- YoY: ▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh



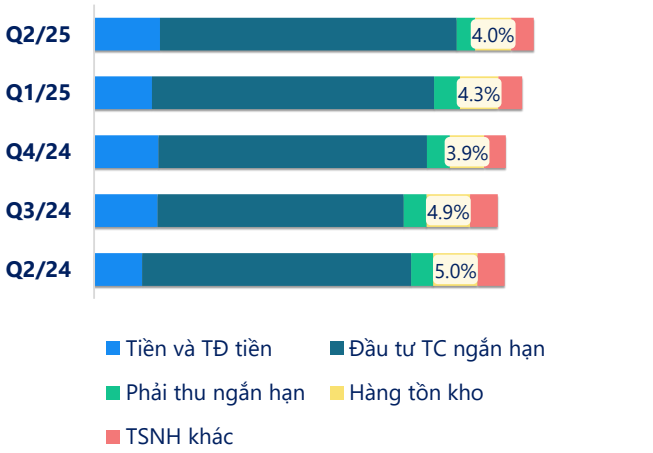
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



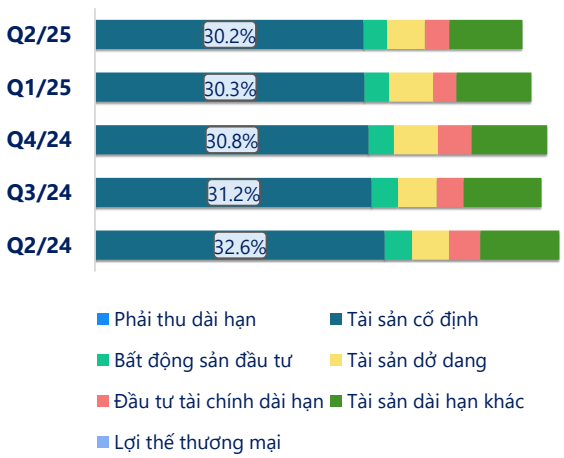
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



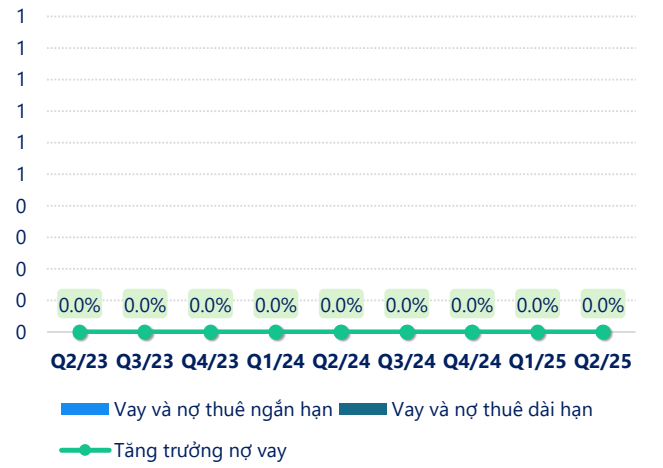
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



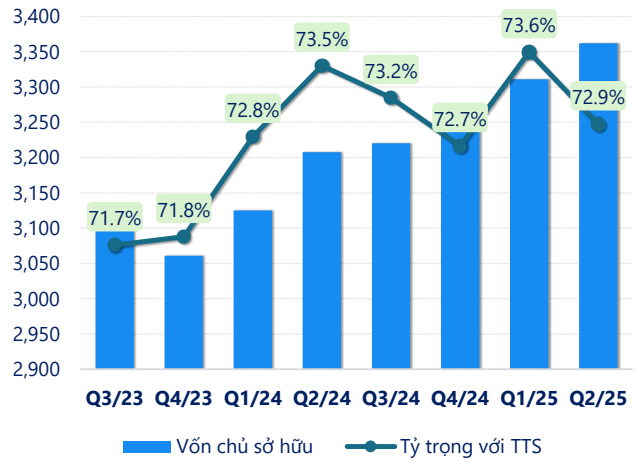
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



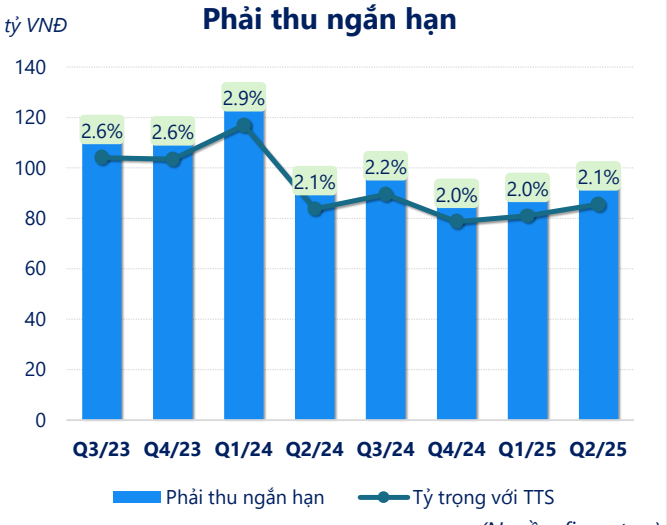
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



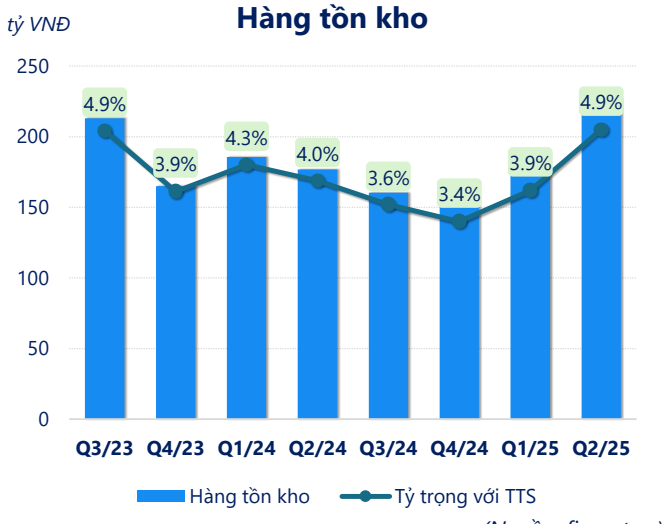
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



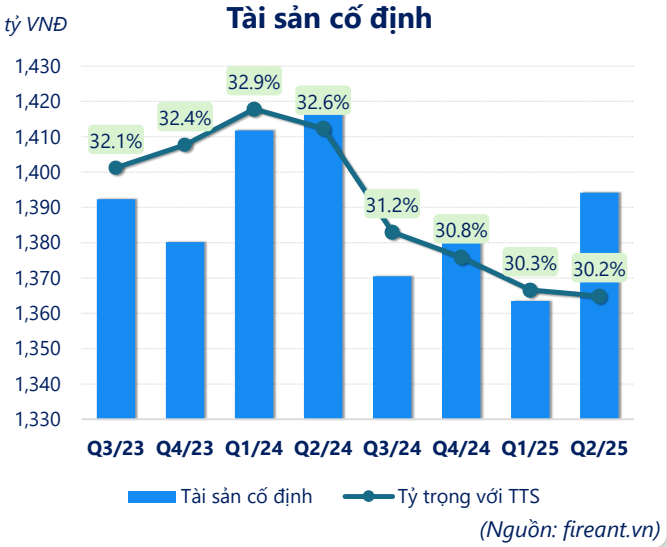
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



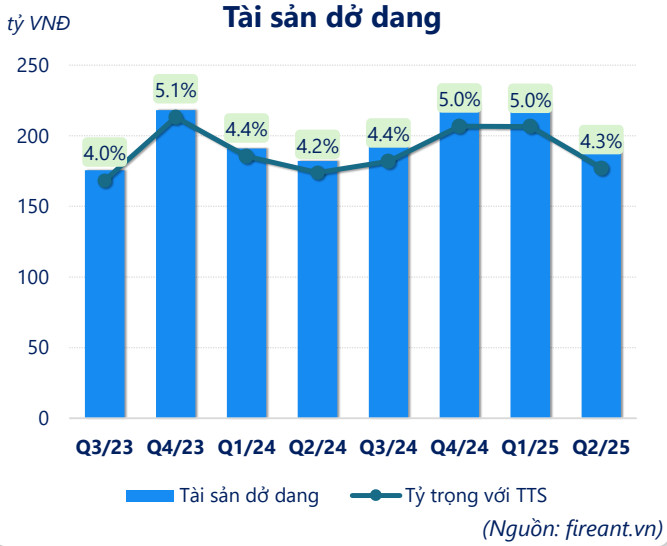
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



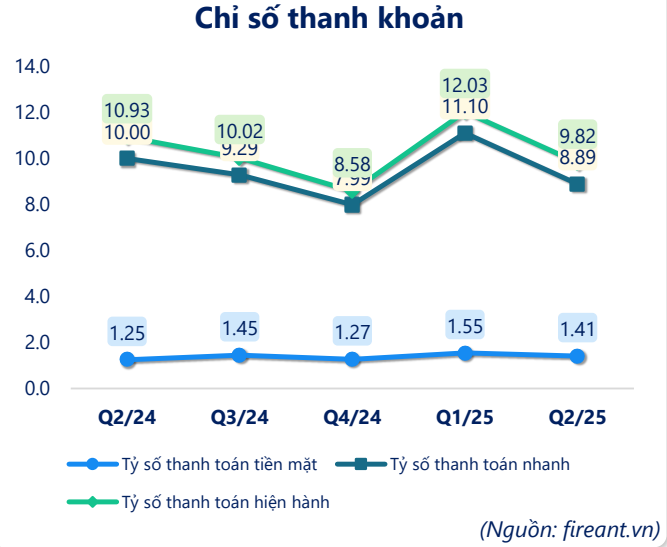
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



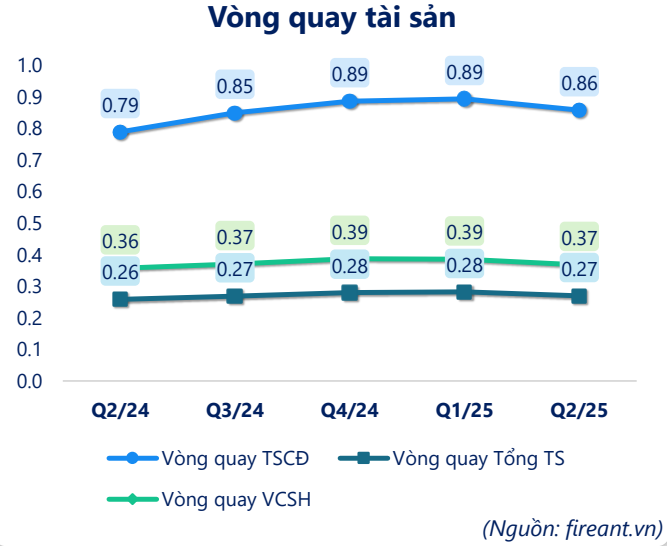
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,364**	**4,400**	**4,483**	**4,496**	**4,610**
Tài sản ngắn hạn	**2,077**	**2,183**	**2,195**	**2,282**	**2,385**
Tiền và tương đương tiền	237	316	326	294	343
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,460	1,510	1,545	1,644	1,621
Phải thu ngắn hạn	91.3	98.5	88.2	91.1	98.6
Hàng tồn kho	177	160	151	175	227
Tài sản ngắn hạn khác	112	99.0	86.5	77.6	95.8
Tài sản dài hạn	**2,286**	**2,217**	**2,288**	**2,214**	**2,224**
Phải thu dài hạn	3.61	3.54	3.60	3.62	3.67
Tài sản cố định	1,423	1,370	1,381	1,363	1,394
Bất động sản đầu tư	135	131	129	125	122
Tài sản dở dang	182	192	222	223	196
Đầu tư tài chính dài hạn	154	132	170	118	127
Tài sản dài hạn khác	389	387	383	381	381
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,161**	**1,184**	**1,228**	**1,190**	**1,248**
Nợ ngắn hạn	**190**	**218**	**256**	**190**	**243**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	8.95	9.28	5.79	13.8	8.52
Nợ dài hạn	971	967	972	1,000	1,005
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,203**	**3,215**	**3,255**	**3,306**	**3,362**
Vốn chủ sở hữu	**3,208**	**3,220**	**3,260**	**3,311**	**3,362**
Vốn điều lệ	869	869	869	869	869
Kinh phí và quỹ khác	-4.87	-4.87	-4.94	-4.94	-0.27

(Nguồn: fireant.vn)